

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm
giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA II - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Xét Báo cáo số 516/BC-UBND, ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh, về Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và xây dựng kế hoạch phát triển giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-HĐND, ngày 04/12/2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua "Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đắk Nông" (có kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho HĐND tỉnh.

Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

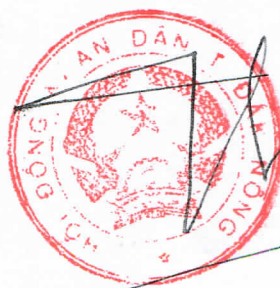
Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa II, kỳ họp thứ 12 thông qua./

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UBND tỉnh, UBND TQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Chi cục Văn thư - Lưu trữ;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng CT.HĐND, HSKH (Báo).

CHỦ TỊCH



Điền K'ré



**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM,
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND,
ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Nghị quyết số 30/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông được xây dựng và triển khai thực hiện trong bối cảnh cả nước có nhiều thuận lợi: Kinh tế vĩ mô đạt được nhiều thành tựu, nước ta chính thức bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình, cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng loạt, thu hút đầu tư tăng cao, thế và lực của đất nước ngày càng được khẳng định. Trong tình sau giai đoạn đầu tái lập, được Trung ương ưu tiên đầu tư, kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao, cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, nguồn nhân lực dịch chuyển về tỉnh, thị trường và sức mua tăng, các chỉ số kinh tế - xã hội đều đạt cao. Trên cơ sở những kết quả đạt được và chưa lường hết những khó khăn, thách thức nên nhiều chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu đề ra là khá cao như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trên 15%, tổng vốn đầu tư xã hội tăng bình quân trên 30%, thu ngân sách tăng bình quân trên 23%.

Tuy nhiên, tình hình vĩ mô diễn biến khó lường, nhiều khó khăn, thách thức đồng thời ảnh hưởng đến tình hình nội tỉnh: Kinh tế vĩ mô có những thời điểm rơi vào bất ổn, diễn biến xấu, lạm phát kéo theo lãi suất tăng cao, bất động sản đóng băng, sản xuất, kinh doanh đình trệ, doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, tạm ngưng kinh doanh, hệ thống ngân hàng bất ổn vì nợ xấu, căng thẳng gay gắt ở Biển Đông. Trong tỉnh, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, thu ngân sách còn thấp, nguồn lực xã hội suy giảm do suy thoái, các dự án lớn tạm ngưng đầu tư, chậm tiến độ, doanh nghiệp hoạt động cầm chừng. Những khó khăn vĩ mô cộng hưởng với những hạn chế của nền kinh tế nội tỉnh đã gây rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra từ đầu giai đoạn.

Trước tình hình đó, dưới sự quan tâm giúp đỡ và đổi mới chính sách điều hành vĩ mô của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương; sự lãnh đạo linh hoạt và sáng tạo của Tỉnh uỷ, sự giám sát có hiệu quả của HĐND tỉnh, sự chỉ đạo, triển khai quyết liệt của UBND tỉnh: Kế hoạch phát triển được rà soát và điều chỉnh hằng năm phù hợp với tình hình cụ thể; ban hành và thực hiện thành công nhiều chính sách đột phá như: Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển công nghiệp khai khoáng và chế biến,... Đồng thời, nhờ sự nỗ lực vượt qua những khó khăn của các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh, phát triển kinh tế của tỉnh tuy không đạt kế hoạch, nhưng vẫn giữ được tốc độ



tăng trưởng cao, sản xuất kinh doanh dần ổn định và phát triển, cơ sở hạ tầng được đầu tư khá, kêu gọi được các dự án ODA lớn, thu hút được các dự án đầu tư lớn của các doanh nghiệp tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, các chỉ số kinh tế xã hội đều được cải thiện và tăng khá... duy trì được tốc độ phát triển và tạo cơ sở vững chắc để tăng trưởng cho giai đoạn sắp tới.

I. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP giá 1994) bình quân là 12,62%, duy trì tốc độ khá và ổn định. Quy mô nền kinh tế đến năm 2015 tăng 1,43 lần so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế những chuyển biến tích cực. GRDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 35 triệu đồng.

2. Sản lượng công nghiệp tăng trưởng khá, ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng vào tăng trưởng chung, từng bước trở thành ngành kinh tế động lực cho phát triển và chuyển dịch kinh tế của tỉnh. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Thu hút và triển khai đầu tư một số dự án công nghiệp lớn, tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế xã hội.

3. Ngành nông nghiệp đóng vai trò trụ cột trong nền kinh tế. Quy mô và sản lượng cây trồng và vật nuôi tăng. Năng suất tăng nhờ vào việc cải thiện chất lượng giống, áp dụng tiến bộ công nghệ vào sản xuất và một số chính sách định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh phát huy hiệu quả. Phương thức sản xuất chuyển biến rõ rệt, chuyển sang sản xuất quy mô hàng hoá và gắn với thị trường. Công tác phòng chống dịch bệnh thực hiện tương đối tốt. Cơ sở hạ tầng nông thôn được đổi mới, đời sống và thu nhập người nông dân từng bước được cải thiện.

4. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ, dịch vụ tăng bình quân 20%/năm. Cung cầu hàng hoá ổn định, mặt hàng phong phú, các loại hình dịch vụ đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân. Hạ tầng thương mại có bước phát triển, mạng lưới mở rộng, góp phần ổn định thị trường, giá cả. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng khá, tăng bình quân 20,6%/năm. Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng, tăng trưởng tín dụng bình quân đạt 21,5%/năm. Du lịch bước đầu phát huy được thế mạnh về cảnh quan, văn hóa của tỉnh.

5. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 17%/năm. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng thu bình quân 10,3%/năm, tổng chi ngân sách tăng chi bình quân 7,04%/năm. Kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị bước đầu được đồng bộ. Mạng lưới giao thông đối ngoại của tỉnh đã được nâng cấp hoàn thiện, hoàn thành chỉ tiêu nhựa hóa theo kế hoạch. Xây dựng và triển khai quy hoạch các đô thị hạt nhân, một số đô thị được Trung ương công nhận chuẩn đô thị loại III, IV.

6. Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và mở rộng sản xuất kinh doanh. Kinh tế hợp tác xã từng bước phát triển theo hướng tích cực. Tiến hành tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước. Thu hút đầu tư đạt được nhiều kết quả, thu hút được một số dự án đầu tư quy mô lớn, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Môi trường đầu tư kinh doanh từng bước được cải thiện.

7. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường dần được tăng cường và có nhiều tiến bộ. Phát triển khoa học công nghệ tiếp tục được khuyến khích và hỗ trợ, bám sát phục vụ cho việc phát triển kinh tế địa phương. Ứng dụng công nghệ

thông tin được triển khai tích cực và hiệu quả, nhất là trong quản lý nhà nước, từng bước tiệm cận mặt bằng công nghệ thông tin của cả nước.

8. Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng cao, cơ sở vật chất dần đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy và học. Quy mô giáo dục của tỉnh tiếp tục được mở rộng. Ngành giáo dục tích cực triển khai đổi mới theo đề án của Trung ương, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên tiếp tục được tăng cường, phát triển.

9. Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, dịch vụ y tế công từng bước được nâng cao chất lượng, cơ sở hạ tầng y tế tiếp tục được đầu tư, mạng lưới y tế cơ sở dần được củng cố và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong hoạt động y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

10. Nhân rộng các mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm có hiệu quả. Trong giai đoạn, đã đào tạo nghề cho 24 ngàn người, giải quyết việc làm cho 88,56 ngàn lượt người. Thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 chiếm 11,75%, giảm 15% so với đầu nhiệm kỳ. Công tác an sinh xã hội, thực hiện chính sách đối với người có công được các ngành, các cấp quan tâm, triển khai theo đúng chế độ.

11. Mức thụ hưởng văn hoá của nhân dân ngày càng được nâng cao, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” được đẩy mạnh và phát triển rộng rãi ở tất cả các địa phương. Giá trị văn hoá truyền thống được giữ gìn, bảo tồn và phát triển. Vận động tốt xã hội hoá đầu tư cơ sở hạ tầng thể dục thể thao, phong trào rèn luyện thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi.

12. Bộ máy các cấp cơ bản được kiện toàn, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tiếp tục được nâng cao, cải cách thủ tục hành chính được chú trọng, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thuận lợi các thủ tục hành chính. Cơ chế một cửa liên thông đã tạo nâng cao tính công khai, minh bạch ở các cấp, các ngành. Giải quyết khiếu nại tố cáo được xử lý tương đối hiệu quả. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo theo chủ trương nhất quán của nhà nước.

13. An ninh quốc phòng được giữ vững, đảm bảo ổn định. Tuyển quân hàng năm đạt chỉ tiêu về số lượng và đảm bảo chất lượng, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Triển khai quyết liệt các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tai nạn giao thông giảm. Chủ động triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp bảo vệ an ninh biên giới. Công tác đối ngoại được mở rộng, chủ động mở rộng các quan hệ hợp tác, liên kết, đầu tư với các tỉnh bạn và tổ chức quốc tế.

II. Những tồn tại, hạn chế

Quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, xếp thứ 4/5 so với các tỉnh trong khu vực. Nhiều tiềm năng lợi thế của tỉnh chưa được phát huy. Sản xuất công nghiệp còn thiếu bền vững, tỷ lệ lấp đầy khu, cụm công nghiệp còn thấp. Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào diễn biến thị trường, xây dựng nông thôn mới còn chậm, phá rừng diễn biến phức tạp. Hạ tầng thương mại và du lịch vẫn còn thiếu đồng bộ.

Chất lượng quy hoạch chưa cao, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất chưa gắn với công tác kêu gọi đầu tư. Kết cấu hạ tầng vẫn yếu, chưa đóng vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Doanh nghiệp quy mô nhỏ chiếm đa số, sức cạnh tranh còn thấp. Công tác xúc tiến đầu tư còn nhiều hạn chế, cải thiện môi

trường kinh doanh chậm. Ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường chưa cao.

Cơ sở hạ tầng giáo dục còn nhiều hạn chế, chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Công tác y tế vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân, hạ tầng và trang thiết bị còn thiếu thốn. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Giảm nghèo chưa bền vững, khả năng tái nghèo cao, đời sống của đồng bào vùng sâu vùng xa còn khó khăn. Chất lượng các hoạt động văn hóa chưa cao, các thiết chế văn hóa tại cơ sở chưa được sử dụng hiệu quả. Phát triển khoa học công nghệ còn hạn chế. Khiếu nại tố cáo vẫn diễn biến phức tạp, cải cách hành chính vẫn chưa đạt yêu cầu. Tình hình an ninh quốc phòng vẫn còn tiềm ẩn yếu tố bất ổn.

III. Nguyên nhân chủ yếu

Bên cạnh một số nguyên nhân khách quan như:

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước diễn biến bất lợi, kinh tế trong nước đối mặt với các khó khăn ngắn hạn như xử lý nợ xấu, sản xuất kinh doanh trì trệ,... ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế nội tỉnh, dẫn đến tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội thấp hơn dự kiến. Bên cạnh đó, dân di cư tự do gia tăng, mà đa số là dân nghèo của các tỉnh phía Bắc, gây áp lực về đáp ứng cơ sở hạ tầng, phá vỡ các quy hoạch về phát triển kinh tế - xã hội, vùng lãnh thổ, tạo sức ép lớn vào hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Điểm xuất phát về kinh tế - xã hội của tỉnh rất thấp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ; nền kinh tế còn mang nặng tính thuần nông, quy mô nền kinh tế còn nhỏ và lạc hậu so với mặt bằng chung của cả nước, chất lượng thấp, tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo cao. Do xuất phát điểm thấp, nguồn lực hạn chế nên việc khắc phục các điểm yếu của tỉnh về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, thị trường... để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Nhiều tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được phát huy.

- Yếu kém về cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng về giao thông kéo dài trong nhiều năm ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là tuyến Quốc lộ 14, các tuyến tỉnh lộ, các tuyến nối các vùng dân cư và vùng sản xuất đầu tư chậm, ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa, đi lại của nhân dân, đặc biệt là giảm dòng vốn thu hút đầu tư vào tỉnh.

Những hạn chế, yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2015 chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan:

- Quản lý nhà nước ở một số cấp, một số ngành hiệu lực, hiệu quả còn thấp, tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh có nhiều cố gắng nhưng còn chậm và nhiều bất cập. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số đơn vị còn bộc lộ nhiều yếu kém, kỷ cương và lễ lối làm việc chưa cao, hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế gây khó khăn trong chỉ đạo, điều hành. Sự phân công, phân cấp quản lý giữa các ngành với địa phương có khâu chưa được rõ ràng, phối hợp hoạt động thông qua đầu mối chưa tốt; thiếu kiểm tra thường xuyên, đôn đốc kịp thời.

- Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở một số ngành, địa phương còn thiếu đồng bộ nên hiệu quả chưa cao, chưa phát huy tốt tính sáng tạo và tự lực tự cường để vươn lên, có lúc, có nơi chưa theo kịp

yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Thiếu các giải pháp có tính đột phá trong các lĩnh vực trọng yếu, các chính sách đã ban hành tổ chức thực hiện chưa đồng bộ. Việc cân đối tài lực với chức năng, nhiệm vụ chưa được quan tâm đúng mức. Cơ chế, chính sách còn thiếu và chưa được quan tâm xây dựng kịp thời. Một số nơi và một bộ phận nhân dân còn mang nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên và Ngân sách nhà nước. Năng lực chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp tuy có nâng lên nhưng vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định. Các ban chỉ đạo thực hiện chương trình, đề án hoạt động hiệu quả chưa cao.

- Đổi mới tư duy kinh tế chưa thật sự quyết liệt, toàn diện và đồng bộ; nền hành chính còn nhiều bất cập, chậm được đổi mới trên cả 4 lĩnh vực: Thể chế, tổ chức bộ máy, cán bộ - công chức và tài chính công. Bộ máy hành chính ở cơ sở chưa thực sự gắn bó với dân, chưa ngang tầm với chức năng, nhiệm vụ; cơ chế phối hợp giữa cơ quan đề ra quyết định và tổ chức thực hiện thiếu nhịp nhàng, đồng bộ nên hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành còn nhiều hạn chế.

- Hệ thống cơ chế chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để trở thành động lực thu hút và sử dụng tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

- Chất lượng nguồn nhân lực thấp, trình độ lao động còn yếu, khả năng đào tạo nhân lực và chất lượng lao động chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh đến cơ sở còn nhiều bất cập, một số chưa ngang tầm với chức năng, nhiệm vụ. Hệ thống doanh nghiệp còn tồn tại nhiều vấn đề như quy mô còn nhỏ bé, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, thiếu tính bền vững, sản phẩm đa phần là sản phẩm thô, giá trị gia tăng còn thấp.

IV. Bài học kinh nghiệm

1. Nâng cao tinh thần đoàn kết; giữ vững kỷ cương; tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; phát huy tinh thần sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong lãnh đạo điều hành. Xây dựng đội ngũ cán bộ bảo đảm đáp ứng yêu cầu mới.

2. Vận dụng sáng tạo định hướng của Trung ương vào tình hình cụ thể của địa phương; tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh; tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của Trung ương, cùng với sự phát huy nội lực để tạo nên sức mạnh tổng hợp để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của địa phương.

3. Việc ban hành các chủ trương, chính sách phải dựa vào nguồn lực và huy động tốt nhất các nguồn lực để thực hiện, bám sát định hướng quy hoạch và các mục tiêu đã đề ra, từ đó lựa chọn các vấn đề có tính đột phá để ban hành. Việc tổ chức phải thực hiện đồng bộ, toàn diện, có phân công trách nhiệm cụ thể, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện, có sơ kết, tổng kết, đánh giá kịp thời.

4. Coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với tập trung giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân; thực hiện tốt chính sách với người có công, gia đình chính sách, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đoàn kết nội bộ trong cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở làm nòng cốt cho đoàn kết toàn dân và đồng thuận xã hội để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

Nhìn lại 5 năm qua, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức, nhưng nhờ vào sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tình hình kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2015 cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế, yếu kém còn tồn tại trong công tác của các cấp, các ngành và rút ra những bài học kinh nghiệm là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong những năm sắp tới.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

Nước ta bước vào thời kỳ mới trong bối cảnh thế giới có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động và đang hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng hơn, sẽ là cơ hội để nước ta đẩy mạnh công cuộc hội nhập, phát triển kinh tế. Tuy vậy, tình hình thế giới và khu vực vẫn tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định, nhất là diễn biến xâm phạm chủ quyền, lãnh hải nước ta; diễn biến khó lường của thiên tai, biến đổi khí hậu, kinh tế vẫn chưa phục hồi hoàn toàn và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn... sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong tỉnh, ngoài những khó khăn của kinh tế vĩ mô, các hạn chế, yếu kém đặc trưng của một tỉnh miền núi mới chia tách vẫn chưa được khắc phục và tiếp tục là những khó khăn, thách thức chính, cần phải vượt qua trong giai đoạn tiếp theo. Xu thế phát triển chung của tỉnh trong giai đoạn sắp tới là khắc phục những yếu điểm về kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chủ động, sáng tạo, khai thác có hiệu quả các tiềm năng và lợi thế của địa phương cho sự phát triển, mở rộng thị trường, nâng cao đời sống của người dân, chuyển nền kinh tế của tỉnh dần phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng lực, hiệu quả và sức cạnh tranh. Từ đó, phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu tổng quát giai đoạn 2016 - 2020 là:

I. Quan điểm phát triển

Tập trung vào thực hiện 06 chương trình, mục tiêu trọng điểm mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã quyết nghị:

1. Giữ vững ổn định chính trị - an dân; bảo đảm an ninh biên giới; phát triển hài hòa đời sống nhân dân; xây dựng môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh, đồng thuận, đoàn kết.

2. Tạo sự phát triển mang tính đột phá về kinh tế, trên 3 hướng chính là tổ hợp công nghiệp bô xít - nhôm - sắt xộp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và du lịch để sau 15 - 20 năm, Đắk Nông trở thành trung tâm công nghiệp bô xít - nhôm - sắt của cả nước, đồng thời tiềm năng khí hậu, đất đai, cảnh quan và văn hóa được đánh thức, khai thác đúng mức.

3. Tiếp tục đầu tư và nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Trước mắt cần ưu tiên cao cho giao thông, thủy lợi.

4. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng khai thác tốt tiềm năng lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; phát triển chuỗi giá trị gia tăng trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

5. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, thật sự đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng mới. Tạo ra sự đột phá về thể chế, đảm bảo cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có chất lượng, bộ máy tinh gọn; cụ thể hóa nghị quyết, chủ trương thực thi pháp luật một cách năng động phù hợp với tình hình của tỉnh.

6. Đẩy mạnh chương trình phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ và đi vào chiều sâu, nâng cao trình độ dân trí, nguồn nhân lực xã hội tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên và nhân dân phát triển năng lực, có niềm tin, yên tâm hết lòng cống hiến; tâm huyết phấn đấu xây dựng Đắk Nông phát triển toàn diện, nhanh và bền vững.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế Đắk Nông với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, lợi thế của tỉnh và huy động các nguồn lực từ bên ngoài. Phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá chất lượng cao, sử dụng kỹ thuật tiên tiến đem lại hiệu quả cao và bền vững. Tập trung phát triển theo chiều sâu các ngành công nghiệp có lợi thế, từng bước ứng dụng công nghệ hiện đại hình thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường; Phát triển các loại hình dịch vụ theo hướng tăng cường chất lượng, đảm bảo phục vụ tốt cho thị trường, nhất là các loại hình dịch vụ du lịch mà tỉnh có lợi thế. Phát triển sự nghiệp văn hoá xã hội, đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao. Nâng cao chất lượng đời sống nhân dân đi đôi với giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tăng trưởng kinh tế: Giai đoạn 2016 - 2020, GRDP (giá 2010) tăng bình quân trên 9%, trong đó: Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng trên 21%; Khu vực nông, lâm ngư nghiệp tăng trên 5%; Khu vực dịch vụ tăng 7%; Khu vực thuế tăng trên 12%.

2.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Phấn đấu đến năm 2020, tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 43,55%; Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 22,08%; khu vực dịch vụ chiếm 28,67%; khu vực thuế chiếm 5,7%.

2.3. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 54 triệu đồng.

2.4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 14%/năm.

2.5. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân trên 12%/năm.

2.6. Hạ tầng giao thông: Đến năm 2020, tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 64%; trong đó, tỷ lệ nhựa hoá đường huyện đạt 100%.

2.7. Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Đến năm 2020, đảm bảo nguồn nước cho 80% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; 90% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch; tỷ lệ đô thị hoá 30%.

2.8. Hạ tầng cấp điện: Đến năm 2020, 99% số hộ được sử dụng điện.

2.9. Dân số: Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân dưới 1%/năm. Đến năm 2020, dân số là 646,7 ngàn người.

2.10. Lao động và việc làm: Tổng số lao động được tạo việc làm cả giai đoạn 90 ngàn người; Đào tạo nghề cho 19 ngàn người.

2.11. Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 2% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

2.12. Y tế: 70% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; trên 82% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

2.13. Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia hàng năm 8 trường/năm; 70% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học.

2.14. Văn hóa: 20% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa nông thôn mới (hoặc tiêu chuẩn văn minh đô thị).

2.15. Nông thôn mới: Phân đấu đến năm 2020, có 18 xã đạt chuẩn nông thôn mới, mỗi xã đạt bình quân 15 tiêu chí trở lên.

III. Nhiệm vụ, định hướng và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020

1. Quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI tỉnh Đắk Nông, triển khai các chính sách của Trung ương sáng tạo, phù hợp với tình hình của địa phương, nâng cao tinh thần cống hiến, đề cao sự sáng tạo và trách nhiệm của người đứng đầu

- Xây dựng các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, chỉ thị trình Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh để ban hành, thực hiện, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, giai đoạn 2015-2020.

- Trên cơ sở 6 chương trình mục tiêu lớn của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương triển khai và cụ thể hoá bằng các giải pháp chi tiết, xây dựng kế hoạch triển khai trong cả giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch theo từng năm.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chương trình giai đoạn 2011-2015, từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ thực hiện tiếp tục trong giai đoạn 2016-2020. Trong quá trình tổng kết, phải thẳng thắn nhìn nhận những khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa và thực hiện tốt trong giai đoạn mới.

- Quán triệt và thực hiện hiệu quả tất cả các chính sách của Trung ương về điều hành kinh tế xã hội vĩ mô, trên địa bàn tỉnh. Áp dụng linh hoạt các chính sách, định hướng của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ban hành quy định cụ thể về thời gian ban hành và đi vào thực hiện tại địa phương đối với các chính sách, luật, định hướng, chỉ đạo của Trung ương trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao tinh thần, trách nhiệm và danh dự cống hiến xây dựng phát triển “Tỉnh Đắk Nông giàu mạnh” cho toàn bộ hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ công

chức và doanh nhân. Thay đổi triệt để suy nghĩ “Đắk Nông còn nghèo và khó khăn” thành “Đắk Nông trên con đường phát triển giàu mạnh” để tạo niềm tin và động lực phát triển đến từng cá nhân.

- Nâng cao, đề cao và có quy chế về trách nhiệm của người đứng đầu, thủ trưởng các đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra. Có biện pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

2. Cập nhật và xây dựng quy hoạch kinh tế xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển các lĩnh vực chủ yếu phù hợp với tình hình mới, xây dựng và triển khai hiệu quả đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đến năm 2020, xây dựng cơ chế chính sách hiệu quả, đảm bảo nguồn lực thực hiện

- Cập nhật, điều chỉnh để xây dựng mới Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2016-2026, định hướng đến năm 2030, trên cơ sở cập nhật tình hình kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015, cập nhật những định hướng mới của Trung ương, xu hướng mới của phát triển kinh tế, trong điều kiện hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế sau khi Việt Nam gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Cộng đồng kinh tế ASEAN chính thức đi vào hoạt động, để định hướng mô hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phù hợp với giai đoạn mới.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2016-2020, phù hợp với định hướng tái cơ cấu kinh tế vĩ mô của Trung ương, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, trong đó tập trung phát triển những sản phẩm thế mạnh của tỉnh, tham gia sâu hơn và nâng cao giá trị sản phẩm chủ lực trong “chuỗi giá trị”, đưa về lợi nhuận cao hơn cho doanh nghiệp và người dân trong tỉnh.

- Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể và Đề án tái cơ cấu, các ngành và địa phương điều chỉnh lại quy hoạch định hướng đến năm 2030, kế hoạch đến năm 2020 cho thống nhất toàn tỉnh và triển khai thực hiện, nhất là đối với các quy hoạch liên quan đến thế mạnh của tỉnh như: Quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch khai thác và chế biến khoáng sản; quy hoạch công nghiệp nhôm; quy hoạch sản phẩm nông nghiệp và du lịch, các công việc này phải hoàn thành vào năm 2016.

- Đẩy mạnh công tác lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý và phổ biến quy hoạch, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý quy hoạch từ tỉnh đến cơ sở, tăng cường và huy động nhiều nguồn vốn cho công tác quy hoạch, thực hiện quy hoạch, nhất là quy hoạch xây dựng.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để phân khai quy hoạch tổng thể, có tính toán kỹ đến nguồn lực thực hiện các quy hoạch phát triển các đô thị, nhất là Quy hoạch phát triển đô thị Gia Nghĩa đã được phê duyệt, quy hoạch đô thị Kiên Đức, Đắk Mil.

- Tiếp tục soát xét các chỉ tiêu để kiến nghị Quốc hội cho phép thành lập huyện mới Đức Xuyên và thành lập mới một số xã; phát triển các huyện, thị xã theo định hướng 03 tiểu vùng kinh tế động lực của tỉnh. Đề nghị Trung ương cho phép phân chia lại địa giới hành chính một số huyện lớn trong tỉnh, thành lập thị xã mới trên cơ sở nâng cấp các thị trấn huyện lỵ và thành lập thị trấn huyện lỵ mới

của huyện chia tách để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo điều hành và quản lý. Chia tách huyện Đắk Mil để thành lập thị xã Đức Lập và huyện mới Đắk Mil. Chia tách huyện Đắk Rlấp để thành lập thị xã Kiến Đức và huyện mới Đắk Rlấp.

- Mời các nhà kinh tế, nhà khoa học có uy tín trên các ngành lĩnh vực trong nước và quốc tế tham gia Ban chỉ đạo chính sách phát triển của tỉnh Đắk Nông, trực tiếp tư vấn chính sách phát triển cho tỉnh. Khi ban hành các nghị quyết liên quan đến chính sách, định hướng gửi tham khảo ý kiến các chuyên gia, học hỏi kinh nghiệm của các địa phương đi trước đã áp dụng thành công, cân đối, đảm bảo nguồn lực để thực hiện.

3. Thu hút mạnh mẽ nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế xã hội, chú trọng vận động nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn vay ưu đãi ODA và vốn đầu tư trực tiếp FDI, đồng thời, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư trong tỉnh, phát huy nội lực, sử dụng nguồn lực đầu tư hiệu quả

- Tranh thủ và vận động các chính sách, nguồn lực của Trung ương ưu tiên đặc thù về vùng Tây Nguyên và tỉnh Đắk Nông, trong đó tập trung theo hướng tận dụng lợi thế vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng của tỉnh để vận động chính sách, nguồn lực để phát triển kinh tế kết hợp đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Vận động nguồn vốn ODA để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, giảm nghèo bền vững. Chủ động tiếp cận trực tiếp đến các nhà tài trợ thông qua sự hỗ trợ, kết nối của các Bộ, ngành Trung ương, các Đại sứ và Lãnh sự quán các nước. Vận động nguồn vốn ODA theo hướng gắn liền với phát triển tam giác Việt Nam - Lào - Campuchia; phát triển hành lang kinh tế Đông Tây; phát triển cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn liền với bảo vệ rừng, phòng chống biến đổi khí hậu.

- Tập trung ưu tiên thu hút nguồn vốn FDI đầu tư vào tỉnh, để tiếp cận ngay với nguồn lực đầu tư dồi dào, nhất là đối với các nước có tích lũy tư bản lớn, công nghệ tiên tiến, có chính sách thân thiện và có mối quan hệ mật thiết về địa chính trị với Việt Nam như: Nhật Bản, Hàn Quốc, I-xra-en một số nước Phương Tây đối với các lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh như: Du lịch nghỉ dưỡng, nông nghiệp sạch, chế biến công nghệ cao sau nhôm, chế biến nông sản thế mạnh. Tổ chức hội nghị kêu gọi đầu tư FDI vào lĩnh vực Alumin và Nhôm vào quý III/2016 tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, có biện pháp kiểm soát tài chính đối với các nhà đầu tư đăng ký đầu tư vào tỉnh. Ưu tiên thu hút đầu tư theo hình thức hợp tác công tư PPP tại Nghị định 15/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ, để tạo động lực và huy động được nguồn vốn tư nhân vào xây dựng kết cấu hạ tầng. Sử dụng nguồn ngân sách để giải phóng mặt bằng các vị trí có khả năng thu hút và thuận lợi cho đầu tư để tạo quỹ đất lớn thu hút đầu tư. Phấn đấu cả giai đoạn giải phóng được trên 1.000 ha đất sạch để thu hút đầu tư.

- Cải cách thủ tục hành chính đầu tư, giải quyết dứt điểm các tồn tại vướng mắc và đẩy nhanh thời gian tối đa về quy trình đầu tư như: Giao đất, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng cho dự án. Học tập kinh nghiệm xử lý

của các thành phố lớn, đặt mục tiêu đến năm 2020, thời gian xử lý thủ tục hành chính đầu tư bằng thời gian xử lý của thành phố Đà Nẵng.

- Thành lập Ban chỉ đạo và xử lý vướng mắc của nhà đầu tư do 01 đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì, để chỉ đạo trực tiếp đến thủ trưởng các sở, ban, ngành và địa phương xử lý khó khăn cho nhà đầu tư. Thành lập bộ phận 01 cửa về thủ tục đầu tư trực thuộc UBND tỉnh như một số tỉnh, thành đã làm thành công.

- Rà soát, điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư của tỉnh. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh để tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư vốn, khuyến khích tối đa mọi thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Thu hút các nguồn tích lũy trong dân và các thành phần kinh tế để đảm bảo đủ nguồn vốn cho vay tín dụng, khuyến khích các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh xây dựng mở rộng các mạng lưới tín dụng, phòng giao dịch, tiếp cận doanh nghiệp đầu tư dự án.

- Đổi mới cơ bản phương thức thu hút đầu tư, chủ động tiếp xúc trực tiếp, mời gọi các nhà đầu tư tiềm năng, có tiềm lực mạnh về tài chính. Chủ động tiếp cận các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực tài chính mạnh, có ngành nghề liên quan đến tiềm năng đầu tư của tỉnh để thu hút đầu tư.

- Tập trung nguồn thu, giảm chi thường xuyên, ưu tiên chi đầu tư để phát triển tạo nền tảng cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư. Nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công, công khai dân chủ và minh bạch trong đầu tư và xây dựng, thực hiện giám sát của cộng đồng.

- Đẩy mạnh thực hiện minh bạch, rõ ràng và đơn giản hóa thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh. Cải thiện môi trường đầu tư, đảm bảo thông thoáng, hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư. Đối thoại định kỳ mỗi năm 02 lần với doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư, kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai. Triển khai thực hiện "Chiến lược thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020" nhằm định hình thu hút đầu tư hiệu quả, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Xây dựng và triển khai Đề án khuyến khích doanh nghiệp ở tỉnh ngoài, vắng lai, phát sinh kinh doanh tại tỉnh Đắk Nông, đăng ký kinh doanh hoặc thành lập chi nhánh tại tỉnh để tăng thu các khoản thuế liên quan đến địa phương cư trú, tăng thu ngân sách và góp phần tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương.

- Tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi. Tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất để bố trí đầu tư hoàn thiện các dự án đang thiếu nguồn vốn. Kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước, sự nghiệp công, cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi công tác nước ngoài, chi cho lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác, nhằm tạo nguồn tăng vốn cho đầu tư phát triển.

4. Phát triển hệ thống doanh nghiệp cả về số lượng và quy mô vốn, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, hoàn thành tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, có cơ chế hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp đầu tàu của tỉnh

- Đẩy mạnh triển khai kế hoạch phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; tăng cường các biện pháp thực hiện trợ giúp phát triển loại hình doanh nghiệp này; hình thành mạng lưới thông tin hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiếp cận các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư mà các doanh nghiệp này quan tâm, đặc biệt là đầu tư vào các lĩnh vực thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng đề án Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ địa phương. Ưu tiên tăng quy mô tối đa vốn cho Quỹ đầu tư của tỉnh để hỗ trợ cho doanh nghiệp. Chỉ đạo sát sao các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện tiếp cận vốn cho doanh nghiệp đầu tư dự án, mở rộng sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống người lao động. Tiếp tục đổi mới kinh tế tập thể, xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới trên cơ sở tổng kết thực tiễn từ các đơn vị đã làm tốt, nhân rộng mô hình, đa dạng hóa các hình thức kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã, tổ hợp các hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Hoàn thành sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, tiếp tục sắp xếp đổi mới hoạt động của các công ty lâm nghiệp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 686/QĐ-TTg, ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình, kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 12 tháng 3 năm 2014 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Lựa chọn doanh nghiệp tư nhân có tiềm lực để tạo điều kiện hoặc thành lập các công ty cổ phần, có phần vốn góp của nhà nước, để ưu tiên hỗ trợ, phát triển thành các doanh nghiệp đầu tàu của tỉnh trong khoảng thời gian từ 05-15 năm, trước mắt có biện pháp ưu tiên thực hiện các công trình xây dựng hoặc ưu tiên sử dụng tài nguyên địa phương theo đúng quy định của pháp luật,... để tích lũy vốn, sau đó đầu tư phát triển công nghiệp, hạ tầng cho địa phương, đóng vai trò là các doanh nghiệp đầu tàu phát triển kinh tế địa phương.

5. Đầu tư kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, huy động tối đa nguồn lực để phát triển hạ tầng, tạo động lực cho phát triển kinh tế xã hội, đáp ứng yêu cầu hạ tầng là nền tảng phát triển kinh tế

- Về hạ tầng đối ngoại và động lực:

+ Kiến nghị, đề xuất Trung ương khởi động lại đường sắt đa dụng để phục vụ phát triển vùng Nam Tây Nguyên và công nghiệp bô xít - nhôm - sau nhôm trọng điểm của quốc gia. Phấn đấu tầm từ năm 2019-2020 được Trung ương đồng ý chủ trương, để đầu tư giai đoạn 2021-2025, đi vào hoạt động sau năm 2026.

+ Kiến nghị, đề xuất Trung ương bổ sung quy hoạch và đầu tư Sân bay hỗn hợp Nhân Cơ nhằm vừa phục vụ kinh tế vừa phục vụ phòng thủ quốc phòng, để

xoá bỏ bất lợi về khoảng cách đối với các nhà đầu tư vào tỉnh, nhất là đối với vùng kinh tế trọng điểm Khu công nghiệp Nhân Cơ, dự kiến thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư công nghiệp sau nhôm.

- + Tiếp tục vận động đầu tư, mở rộng các tuyến tỉnh lộ đối ngoại như QL 14C, QL 28. Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, duy trì tốt chất lượng của QL 14 đoạn qua tỉnh Đắk Nông.

- Về hạ tầng giao thông: Tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông toàn tỉnh, ưu tiên các tuyến tỉnh lộ để đạt chuẩn đường cấp III miền núi, kết nối các địa phương và các vùng sản xuất trọng điểm. Hoàn thiện đầu tư các công trình lớn như: Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê; Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 4; nâng cấp đường ra cửa khẩu Bu Prăng; Đường Đắk Song - Đắk Nang; Đường tránh đô thị Gia Nghĩa, Tỉnh lộ 2.

- Về hạ tầng đô thị: Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Gia Nghĩa, Đắk Mil, Kiến Đức và các đô thị khác theo quy hoạch đã được phê duyệt. Chuẩn bị các điều kiện, cơ sở vật chất để thành lập huyện mới Đức Xuyên, thành phố Gia Nghĩa. Hoàn thành các công trình đầu tư lớn như: Khu tái định cư phía đông Hồ trung tâm Gia Nghĩa, đường kè kết hợp Quảng trường trung tâm thị xã Gia Nghĩa. Tiếp tục vận động và đầu tư hạ tầng đô thị Đắk Mil bằng nguồn vốn ODA.

- Hạ tầng khu, cụm công nghiệp: Tập trung đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Nhân Cơ, tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp còn lại. Kêu gọi FDI đầu tư vào Khu công nghiệp Nhân Cơ giai đoạn 1 (trên 300 ha).

- Về hạ tầng thủy lợi: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi đang có để phát huy hiệu quả, ưu tiên đầu tư nâng cấp các hồ chứa, hệ thống kênh dẫn, phát triển các hệ thống thủy lợi mới có quy mô lớn như: Đắk Gang (Đắk Mil, Cư Jút), đập dâng hồ Nam Xuân (Krông Nô). Hoàn thiện cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa giai đoạn 2.

- Hạ tầng điện: Đảm bảo tiến độ, hoàn thiện và đưa vào sử dụng hiệu quả Dự án lưới điện nông thôn giai đoạn 3 của Chính phủ triển khai trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đầu tư thuận lợi trạm biến áp 750MW phục vụ cho Khu công nghiệp Nhân Cơ, tiếp tục đề nghị EVN hoàn thiện mạng lưới truyền tải điện toàn tỉnh.

- Huy động nguồn vốn đóng góp của nhân dân tham gia đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, trường học, nước sạch. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục thể thao và môi trường.

6. Tập trung phát triển công nghiệp mũi nhọn là công nghiệp Alumin - nhôm, sắt xộp - sau nhôm; Công nghiệp chế biến các nông sản thế mạnh của tỉnh, phấn đấu đến hết giai đoạn, công nghiệp trở thành lĩnh vực kinh tế động lực

- Tiếp tục định hướng phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; tập trung đầu tư theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh của tỉnh như: phát triển chế biến nông, lâm sản, khai thác và chế biến khoáng sản, nhất là công nghiệp Alumin và luyện nhôm, thúc đẩy công nghiệp chế biến sau nhôm, xem đây là trọng điểm về đột phá kinh tế của tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các

doanh nghiệp áp dụng thiết bị công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng.

- Từng bước xây dựng khu công nghiệp Nhân Cơ trở thành khu công nghiệp tập trung, công nghiệp phụ trợ kết hợp đô thị và dịch vụ bền vững. Có kế hoạch tổng thể và chi tiết thực hiện các bước đầu tiên để đến năm 2035, Đắk Nông trở thành trung tâm công nghiệp sản xuất và chế biến Nhôm lớn nhất cả nước. Trong đó, khu công nghiệp Nhân Cơ là nền tảng.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp với nhiều quy mô, trình độ khác nhau, ưu tiên cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại tạo ra những sản phẩm có giá trị cao, sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài. Hỗ trợ, có giải pháp quyết liệt khôi phục hoạt động của các nhà máy đang tạm ngừng hoạt động do khó khăn về thị trường, khó khăn về nguồn nguyên liệu, vi phạm các quy định về môi trường,... đưa các nhà máy vào sản xuất, cung cấp sản lượng ổn định.

- Hỗ trợ cho hoạt động của nhà máy Alumin Nhân Cơ, vận động nguồn vốn Trung ương tiếp tục đầu tư cho công nghiệp địa phương theo hướng phát triển công nghiệp Alumin - Luyện nhôm.

- Hỗ trợ để đảm bảo tiến độ Nhà máy Luyện nhôm Đắk Nông, vận hành và cho ra sản phẩm vào năm 2018. Hỗ trợ các dự án thủy điện và các dự án công nghiệp khác đang đầu tư hoàn thành đảm bảo tiến độ, sớm đóng góp cho công nghiệp địa phương.

- Rà soát tổng thể các cụm công nghiệp, loại bỏ hoặc chuyển đổi các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả, tập trung vào các cụm công nghiệp có thể mạnh, để ưu tiên đầu tư. Nghiên cứu chuyển đổi các khu công nghiệp để đầu tư theo hình thức BOT, BTO, phải lựa chọn các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, đi kèm với hệ thống công nghiệp phụ trợ để vừa giải quyết đồng thời bài toán thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng và lấp đầy cụm công nghiệp.

- Thu hút và tạo điều kiện để đầu tư thêm nhà máy chế biến nông sản nhất là các nông sản như cà phê, tiêu, cao su, cây ăn quả,... kết hợp với quy hoạch vùng nguyên liệu khả thi hoặc xây dựng gần các tuyến biên giới, giao thông thuận lợi để tận dụng nguồn nguyên liệu ngoài tỉnh. Hạn chế khai thác thô khoáng sản, dần tiến tới khai thác khoáng sản phải kết hợp với đầu tư nhà máy chế biến.

7. Tập trung phát triển theo hướng nông nghiệp gắn với lợi thế về vùng khí hậu ôn hòa, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Phát triển nông thôn mới gắn chặt với giảm nghèo bền vững. Quản lý bảo vệ rừng hiệu quả, nâng cao tỉ lệ che phủ rừng

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng chất lượng, hiệu quả và bền vững, đồng thời tạo mũi đột phá về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao tỷ trọng nông sản trong quá trình sơ chế và chế biến. Ứng dụng công nghệ sinh học, quy trình sản xuất công nghiệp hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản chủ lực và có giá trị cao. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp. Xây dựng và

thực hiện đề án nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng giá trị thu nhập trên 01 ha diện tích canh tác.

- Chuyển đổi hợp lý cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, ổn định diện tích cây trồng hiện có, nhất là cây cà phê, khuyến cáo nông dân không phát triển diện tích cà phê ở những vùng sinh thái không phù hợp với điều kiện canh tác, hạn chế tối đa việc chặt phá cao su ở những vùng sinh thái còn phù hợp. Hoàn thành đề án tái canh cây cà phê. Chuyển một số diện tích đất trồng màu khu vực bằng, thuận lợi nguồn nước sang trồng rau, thực phẩm sạch. Sử dụng cây trồng tiết kiệm nước, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư thâm canh để đem lại hiệu quả kinh tế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng quy mô các loại cây công nghiệp dài ngày có hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất công nghiệp đã được xây dựng. Soát xét, lựa chọn xác định cơ cấu cây trồng hợp lý cho từng tiểu vùng sinh thái theo quy hoạch để công bố cho người dân; ưu tiên phát triển cây con và mô hình phù hợp với vùng Nam Tây Nguyên, có lợi thế so sánh rõ rệt, hiệu quả kinh tế cao và bền vững, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất, chế biến nông sản. Xây dựng chính sách hỗ trợ chuyển đổi diện tích cây trồng ở các vùng đất dốc, xa nguồn nước sang trồng rừng sản xuất để làm nguyên liệu cho các nhà máy MDF.

- Rà soát tổng thể các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh để cải tạo, nâng cấp, đầu tư hệ thống kênh tưới. Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ đa chức năng, sử dụng hiệu quả các công trình thủy lợi đã xây dựng, kết hợp điều hòa giữa thủy lợi và thủy điện phục vụ tốt cho nông nghiệp. Chủ động triển khai các biện pháp chống hạn cho cây trồng.

- Nâng cao năng lực quản lý, sản xuất cho người dân địa phương thông qua phát triển hệ thống khuyến nông, khuyến lâm. Khẩn trương tổ chức hoạt động có hiệu quả đội ngũ khuyến nông viên cơ sở, kịp thời hỗ trợ cho hộ nông dân kỹ thuật canh tác tăng năng suất. Định hướng tốt thị trường cho người nông dân, tăng cường và nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, phòng chống dịch bệnh, khuyến khích sử dụng giống mới chất lượng, thay thế giống thoái hoá, điều tra thổ nhưỡng, khí hậu để khuyến nghị nông dân canh tác giống cây, vật nuôi hiệu quả, phù hợp.

- Liên kết chuỗi giá trị chăn nuôi từ sản xuất giống, thức ăn đến chế biến, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả chăn nuôi. Ưu tiên phát triển đàn gia súc ăn cỏ, khai thác có hiệu quả các diện tích đất chuyển đổi sang chăn nuôi và trồng cỏ phục vụ cho chăn nuôi. Khai thác và sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước các công trình thủy lợi, thủy điện để phát triển chăn nuôi thủy sản. Phấn đấu đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản trong cơ cấu nông nghiệp đến năm 2020 lên 15%.

- Rà soát, đánh giá các vùng sản xuất có quy mô, sản lượng lớn, gắn với các nhà máy chế biến trên địa bàn để khuyến cáo nông dân phát triển sản xuất, tạo vùng nguyên liệu ổn định cho các nhà máy, sản phẩm của nông dân có được thị trường tiêu thụ tại chỗ ổn định, kiềm chế phát triển ồ ạt, không theo quy hoạch, ảnh hưởng đến giá tiêu thụ. Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai thuận lợi các dự án nông nghiệp lớn.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, khí hậu, kịp thời thông tin cho người dân chủ động trong sản xuất, giảm thiểu thiệt hại, hướng dẫn bố trí thời vụ, cơ cấu cây trồng, chế

độ luân, xen canh, thâm canh hợp lý cho từng vùng sản xuất, phòng trừ dịch bệnh theo quy trình nông nghiệp bền vững, nhằm tiết kiệm chi phí, tăng năng suất.

- Tập trung quản lý bảo vệ phát triển rừng. Phát triển các loại rừng, ưu tiên rừng trồng kinh tế, quản lý khai thác hợp lý rừng trồng sản xuất theo hướng phát triển bền vững. Đẩy mạnh trồng rừng tập trung và cây phân tán, không ngừng làm giàu vốn rừng, tăng độ che phủ. Rừng đặc dụng phát triển theo hướng xây dựng các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Ổn định diện tích đất lâm nghiệp, phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 42%. Quy định rõ chế tài xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức quản lý bảo vệ rừng, để mất rừng. Xác định lại diện tích rừng bị xâm canh trái phép, có biện pháp để khuyến khích doanh nghiệp và người dân trồng mới lại rừng. Có đề án thí điểm giao diện tích đất của các Công ty lâm nghiệp hoạt động không hiệu quả để phát triển các dự án lâm nghiệp hoặc chuyển đổi thành các dự án nông nghiệp, lựa chọn nhà đầu tư có vốn lớn, có kinh nghiệm phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Tiếp tục triển khai quyết liệt chương trình xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến năm 2020 có 18 xã về cơ bản đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Xây dựng Đề án, phân công, phân nhiệm trong việc thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thuộc nhiệm vụ của ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình nông thôn mới, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

- Tiếp tục triển khai tích cực Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 07/4/2011 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời nhân rộng các mô hình sản xuất và nâng cao nhận thức của nhân dân về nông nghiệp công nghệ cao. Hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ưu tiên các dự án đầu tư viện nghiên cứu về cây con, vườn ươm giống mới, năng suất cao. Đầu tư hoàn thiện và thu hút hiệu quả Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

8. Về phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhân dân, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, xây dựng thương hiệu hàng hóa thế mạnh của tỉnh, hoàn thiện hệ thống thương mại, phát triển du lịch trên nền tảng phát huy các lợi thế tự nhiên của tỉnh

- Khai thác và phục vụ tốt thị trường trong tỉnh, kết hợp với đẩy mạnh giao lưu hàng hóa với các tỉnh để mở rộng thị trường, đặc biệt là các tỉnh thuộc khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, với các trung tâm đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến hỗ trợ thương mại, tiếp tục quảng bá và thực hiện chính sách đưa hàng về nông thôn, thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường bền vững, đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, có giá trị gia tăng cao; tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu; thành lập hiệp hội ngành hàng để hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu. Xây dựng kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh và chất lượng cao của tỉnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước.

- Đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị quy mô lớn, hiện đại tại các địa bàn trọng điểm có đông dân cư và các khu đô thị mới. Thu hút đầu tư phát

triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tại các đô thị như: Gia Nghĩa, Kiên Đức, Đắk Mil, Eatling,... Hỗ trợ đầu tư và kinh doanh hiệu quả các siêu thị tại các trung tâm đô thị lớn của tỉnh. Có biện pháp kêu gọi các nhà cung cấp hàng hoá tiêu dùng mở các đại lý cấp 1 đặt tại tỉnh để khắc phục tình trạng mặt bằng giá cao tại tỉnh.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý thị trường nhằm tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ buôn lậu, gian lận thương mại; sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến.

- Phát triển dịch vụ vận tải có hệ thống vận chuyển, trạm dừng chân thuận tiện, mở rộng địa bàn phục vụ đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Mở rộng luồng tuyến vận tải đến tất cả các tỉnh thành trong cả nước. Khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh vận tải phát triển.

- Củng cố, mở rộng, phát triển mạng lưới các tổ chức tín dụng hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và hộ gia đình tiếp cận vốn, hướng dòng vốn vào sản xuất, kinh doanh; ưu tiên cho các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu.

- Khai thác có hiệu quả lợi thế du lịch của tỉnh. Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng du lịch và các cơ sở lưu trú; đa dạng hóa các hoạt động vui chơi, giải trí, các sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng thu hút khách du lịch. Thu hút đầu tư vào các điểm vui chơi giải trí, tổ chức các sự kiện du lịch, văn hóa đặc trưng; phát triển các cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống, hàng hóa lưu niệm; liên kết với các địa phương trong địa bàn và các đơn vị lân cận để giới thiệu các sản phẩm du lịch độc đáo của tỉnh để thu hút khách tham quan, gắn các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với các tuyến du lịch trong khu vực Tây Nguyên và các tỉnh miền Trung. Kết nối tổng thể các danh thắng du lịch toàn tỉnh, điểm bán hàng, kết hợp với khách sạn nghỉ dưỡng đạt chuẩn để tạo Tour du lịch hấp dẫn, quảng bá thu hút du khách.

- Hoàn thiện quy hoạch Hang động núi lửa Krông Nô, trình Trung ương công nhận công viên địa chất quốc gia. Đầu tư thành điểm du lịch trọng điểm của tỉnh, nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách để thu hút khách du lịch nước ngoài.

9. Quản lý tài nguyên và môi trường, phát triển bền vững

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo quy hoạch. Tập trung ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi và nâng cao chất lượng môi trường, đảm bảo phát triển bền vững. Nghiên cứu triển khai xây dựng đề án ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường đầu tư, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về môi trường để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Ngăn ngừa hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, giải quyết cơ bản tình trạng suy thoái môi trường tại khu công nghiệp, khu đô thị. Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Tiến hành điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai, tài nguyên làm cơ sở để xây dựng quy hoạch, kế hoạch nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài nguyên đất theo quy hoạch, kế

hoạch và quy định của pháp luật, phải làm cho đất đai thực sự là nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển. Thực hiện công tác thống kê đất đai hàng năm, thực hiện công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất theo quy định.

- Kiểm tra tổng thể tình hình, rà soát thực trạng khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn tỉnh, xây dựng đề án khai thác khoáng sản bền vững, hiệu quả. Xây dựng đề án quản lý lưu vực các hồ chứa nước, hồ thủy lợi, hồ thủy điện và quy định bảo vệ, vận hành bền vững, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn nguồn nước, lưu ý bảo vệ và sử dụng hiệu quả lưu vực và mặt nước Hồ Trung tâm của thị xã Gia Nghĩa.

- Xây dựng kế hoạch triển khai hiệu Nghị quyết 24-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Tập trung nghiên cứu, đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu theo các kịch bản mới.

10. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học công nghệ và giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực, an sinh xã hội

- Về giáo dục:

+ Triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Đề án của Trung ương, phát triển các cơ sở đào tạo ở các cấp. Duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Phát triển đồng bộ hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đi đôi với nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, thực hiện giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy và học. Đảm bảo đầy đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên theo tiêu chuẩn ở các cấp học, ngành học.

+ Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh và tin học cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chuyển trọng tâm đánh giá nội dung học tập sang đánh giá phẩm chất và năng lực người học. Chỉ đạo và tổ chức các kỳ thi quốc gia và cấp tỉnh an toàn, nghiêm túc, khách quan.

+ Củng cố và tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học. Xây dựng quy định về trường học an toàn, đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, bạo lực và tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác giám sát việc thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục, giám sát chặt, quản lý thu chi và xử lý nghiêm các vi phạm.

+ Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Có đề án hỗ trợ nâng cao tỉ lệ học sinh là con em dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa theo học ở các cấp học cao hơn. Đảm bảo không có trẻ em nào không được đến trường vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Về y tế:

+ Tập trung mở rộng và phát triển nhanh mạng lưới y tế, nhất là y tế tuyến cơ sở. Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chất lượng các dịch vụ y tế và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh.

+ Phát triển về số lượng cùng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế. Huy động xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

Có biện pháp nâng cao y đức cho cán bộ y tế, ban hành quy chế phòng chống tiêu cực tại các cơ sở y tế công lập.

- + Tiếp tục thực hiện các giải pháp kiềm chế tốc độ tăng dân số, từng bước nâng cao chất lượng dân số và thể chất, trí tuệ, đảm bảo cơ cấu dân số và phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực kế hoạch dân số.

- + Xây dựng đề án nâng cao hiệu quả sử dụng trang thiết bị y tế đã được đầu tư đồng bộ, kết hợp với đề án huy động nguồn vốn tư nhân theo hình thức hợp tác công tư (PPP) để cung cấp các thiết bị y tế còn thiếu tại các cơ sở khám chữa bệnh. Vận động nguồn vốn ODA đầu tư giai đoạn 2 bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- + Chủ động thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện dự phòng toàn diện và có trọng điểm ưu tiên phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch nguy hiểm. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của chương trình tiêm chủng mở rộng. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế chú trọng công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách và người nghèo.

- + Tăng cường công tác quản lý và hoạt động y học cổ truyền. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển đông y; kết hợp đông y với tây y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Hoàn thành xây dựng và tổ chức đi vào hoạt động hiệu quả Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Nông.

- Về văn hóa, thông tin và thể dục, thể thao:

- + Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh, coi trọng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, văn hóa trong kinh doanh và văn hóa ứng xử. Thực hiện tốt phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới sâu rộng trong nhân dân. Xây dựng chương trình tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở”. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh, đặc biệt là dân tộc thiểu số tại chỗ.

- + Xây dựng các phong trào toàn dân rèn luyện thể dục thể thao, đầu tư hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu cho nhân dân, tăng cường xã hội hóa đầu tư vào thể dục thể thao.

- Về lao động và giải quyết việc làm:

- + Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động; định kỳ cập nhật biến động thông tin thị trường lao động; tăng cường công tác giám sát và điều tiết quan hệ cung - cầu lao động trên thị trường lao động. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng dự báo, thông tin thị trường lao động ngắn hạn và dài hạn, phục vụ cho công tác hướng nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của xã hội.

- + Thực hiện tốt công tác đào tạo và dạy nghề đáp ứng nhu cầu về lao động cho các doanh nghiệp. Đánh giá tổng thể nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở sản xuất, nhà máy, dự án, doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh để xây dựng kế hoạch, ngành nghề đào tạo nghề phù hợp với thực tế của địa phương. Đảm bảo đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

- + Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đưa lao động đi học nghề và làm việc ở nước ngoài. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước tiếp cận chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ thuật, trình độ cao. Nâng cao chất lượng nguồn lao động, đưa xuất

khẩu lao động thành một chương trình đồng bộ theo hướng mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế và tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

+ Đầu tư xây dựng, hoàn thành Trung tâm giới thiệu việc làm, mở rộng hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm, tạo điều kiện phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đào tạo nghề và đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề.

- Về khoa học công nghệ:

+ Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi các thành tựu công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu, quảng bá, giới thiệu các mô hình sản xuất, công nghệ hiệu quả cao. Tập trung nghiên cứu, chuyển giao các đề án khoa học công nghệ phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, chuyển giao cho người dân, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp để nâng cao chất lượng, năng suất sản phẩm.

+ Thu hút nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ. Tạo lập thị trường dịch vụ khoa học công nghệ, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao trình độ công nghệ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, tạo lập thương hiệu cho các sản phẩm của địa phương.

+ Phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật, Hội văn học nghệ thuật trong việc tập hợp lực lượng nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định các chính sách, chủ trương phát triển kinh tế xã hội.

+ Triển khai nghiên cứu giống cây trồng phù hợp với diện tích đất hoàn thổ sau khi khai thác bô xít, chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư dự án.

- Về thông tin và truyền thông:

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm phục vụ Bưu chính; Xây dựng hạ tầng thông tin phục vụ tốt công tác phòng chống thiên tai, an ninh quốc phòng. Chuyển đổi hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất từ công nghệ tương tự sang công nghệ kỹ thuật số, từng bước mở rộng vùng phủ sóng truyền hình đa dạng và phong phú, chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu và thu nhập của người dân.

+ Triển khai xây dựng Chính quyền điện tử. Ưu tiên phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước. Các Sở, Ban, ngành và địa phương tiến hành xây dựng, nâng cấp và triển khai các hệ thống thông tin như: Quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành, hợp giao ban trực tuyến, điện tử.

+ Tập trung nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, đổi mới chất lượng chính trị và chất lượng chuyên môn của các sản phẩm thông tin. Xây dựng một số phụ trương, chuyên đề; tăng dung lượng, số lượng phát hành và đổi mới các tờ báo in.

- Phát triển nguồn nhân lực:

Nâng cao chuẩn tuyển công chức của tỉnh, ưu tiên tốt nghiệp khá, giỏi và các trường đại học uy tín, quy định chuẩn tối thiểu đầu vào tiếng anh theo các bằng cấp, chứng chỉ được quốc tế công nhận và các biện pháp nâng cao chất lượng từ chính sách, thi tuyển,... Tiếp tục Đề án lựa chọn công chức ưu tú, có năng lực để gửi đi đào tạo ở nước ngoài, ngân sách tỉnh đảm bảo chi đủ thực hiện nhiệm vụ

này. Đầu tư và đưa trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh hoạt động hiệu quả, lựa chọn đội ngũ giảng viên và quản lý kỹ càng, đảm bảo trình độ. Thu hút thêm các trường cao đẳng nghề uy tín, đại học mở phân viện hoặc chi nhánh đào tạo tại tỉnh. Ưu tiên các chương trình liên kết đào tạo. Nâng cao chất lượng đào tạo các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh, đủ khả năng thực hiện mục tiêu dạy nghề.

- Công tác an sinh xã hội:

+ Triển khai có hiệu quả các chương trình, giải pháp giảm nghèo góp phần hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vươn lên trong cuộc sống. Tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản bằng cách đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm nghèo theo hướng phát huy nội lực.

+ Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo, tăng hộ khá. Thực hiện cho vay vốn làm ăn, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; thực hiện các chính sách ưu đãi, an sinh xã hội cho người nghèo và có chính sách khuyến khích phấn đấu vươn lên hộ khá.

+ Tiếp tục tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và giải quyết chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công. Duy trì và đẩy mạnh các phong trào vận động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo tốt hơn đời sống, tiếp tục vận động sự ủng hộ xây dựng mới nhà tình nghĩa, vận động tặng sổ tiết kiệm,... cho các đối tượng chính sách.

+ Tiếp tục triển khai phấn đấu 100% xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

11. Tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại

- Quán triệt triển khai có hiệu quả các nghị quyết về nhiệm vụ quân sự quốc phòng, cảnh giác không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm năng và thế trận, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng an ninh. Phấn đấu hằng năm hoàn thành kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ, hoàn thành các chỉ tiêu về động viên lực lượng, tuyển quân của Trung ương giao. Đặc biệt chú trọng tình hình an ninh biên giới, chuẩn bị đầy đủ mọi lực lượng, dự phòng ứng phó với mọi trường hợp có thể xảy ra trên thế chủ động.

- Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh bạn và các tập đoàn, tổng công ty lớn của Trung ương. Mở rộng quan hệ có chiều sâu trong các nước thuộc Tam giác phát triển, trong đó: Chú trọng mở rộng quan hệ kinh tế với tỉnh Mondukiri, đầu tư mở một số cơ sở sản xuất, thương mại trên đất bạn. Xây dựng Đề án đẩy mạnh liên kết hợp tác phát triển kinh tế xã hội giữa tỉnh Đắk Nông và một số tỉnh, thành phố trong và ngoài nước, có thế mạnh, có quan hệ kinh tế chặt chẽ với tỉnh.

12. Tập trung, đẩy mạnh và hoàn thành các chỉ tiêu cải cách hành chính, thực hiện tốt công tác nội chính, tư pháp

- Đẩy mạnh thực hiện Đề án Cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tích cực triển khai thực hiện các giải pháp để tăng bậc chỉ số năng lực cạnh tranh, nhằm từng bước tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, cải thiện mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện cho các doanh

nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh thuận lợi và có lãi.

- Tập trung xây dựng hệ thống hành chính của nhà nước trong sạch, vững mạnh, đảm bảo quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả góp phần giữ vững ổn định chính trị và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát thực thi công vụ. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn, ý thức, trách nhiệm cao, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc tốt, tận tụy phục vụ nhân dân, có tính chuyên nghiệp cao.

- Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Chủ động tích cực phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ công chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đặt ra.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên tất cả các lĩnh vực cho cán bộ công chức và nhân dân nhất là đối với nhân dân ở xã, phường, thị trấn, khu phố, tổ dân phố, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nắm chắc tình hình khiếu nại đông người để có kế hoạch giải quyết kịp thời ngay tại cấp cơ sở; thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đối thoại với công dân trong quá trình giải quyết. Đảm bảo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật, hạn chế tối đa tình trạng đơn giải quyết tồn đọng kéo dài, quá hạn và vượt cấp.

CHỦ TỊCH



Điêu K'ré

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND, ngày 10. tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011 - 2015					Thực hiện 2011-2015	Kế hoạch 2016 - 2020					Mục tiêu 2016-2020	GHI CHÚ
			TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	ƯTH 2015		KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020		
A	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ														
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tính (GRDP 2010 - Tính theo phương pháp mới).	Tỷ đồng	11.143	12.158	13.018	13.841	14.776		16.198	17.321	19.376	20.855	22.757		
	<i>Trong đó:</i>														
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	5.618	5.807	6.126	6.419	6.738	x	7.078	7.444	7.850	8.271	8.710		
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	1.107	1.522	1.700	1.849	2.007	x	2.638	2.934	4.018	4.499	5.239		
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	3.968	4.229	4.529	4.862	5.237	x	5.569	5.939	6.355	6.814	7.398		
	- Thuế	Tỷ đồng	451	600	663	711	794	x	913	1.004	1.153	1.271	1.410		
	Tốc độ tăng trưởng	%	108,08	109,11	107,07	106,33	106,76	7,46%	109,62	106,93	111,86	107,63	109,12	Trên 9%	
	<i>Trong đó:</i>														
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	105,60	103,38	105,48	104,79	104,96	4,48%	105,06	105,16	105,45	105,36	105,31	5,27%	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	125,57	137,51	111,67	108,74	108,58	17,89%	131,29	111,06	136,01	112,28	116,17	21,15%	
	- Dịch vụ	%	107,29	106,57	107,10	107,35	107,72	7,21%	106,33	106,65	107,01	107,22	108,57	7,15%	
	- Thuế	%	109,86	133,19	110,48	107,32	111,58	14,12%	115,01	109,98	114,82	110,22	110,95	12,17%	
	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	14.478	16.640	18.233	19.479	21.203		23.289	25.366	28.775	31.514	34.972		
	<i>Trong đó:</i>														
2	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	8.113	8.781	9.370	10.072	10.860	x	11.594	12.403	13.291	14.231	15.229		
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	1.351	2.070	2.381	2.501	2.770	x	3.673	4.154	5.726	6.522	7.723		
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	4.429	4.969	5.542	6.026	6.584	x	6.856	7.493	8.208	9.008	10.025		
	- Thuế	Tỷ đồng	585	821	940	880	988	x	1.166	1.316	1.550	1.753	1.995		
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	27,75	30,93	32,85	34,44	36,67	36,67	39,39	41,96	46,55	49,84	54,08	Trên 54	
3	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
	<i>Trong đó:</i>														
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	56,03	52,77	51,39	51,71	51,22		49,78	48,90	46,19	45,16	43,55	43,55%	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	9,33	12,44	13,06	12,84	13,06		15,77	16,38	19,90	20,70	22,08	22,08%	
	- Dịch vụ	%	30,59	29,86	30,39	30,93	31,05		29,44	29,54	28,52	28,58	28,67	28,67%	
	- Thuế	%	4,04	4,93	5,16	4,52	4,66		5,01	5,19	5,39	5,56	5,70	5,70%	
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:	Tỷ đồng	5.656	6.220	9.144	9.042	9.347		10.646	13.333	15.234	16.981	18.011	14%	
5	Xuất - Nhập khẩu:														
	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	399	537	470	701	638	2.745	700	770	800	900	1.150	4.320	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011 - 2015					Thực hiện 2011-2015	Kế hoạch 2016 - 2020					Mục tiêu 2016- 2020	GHI CHÚ
			TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	Ư TH 2015		KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020		
	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	5,6	37	127	115	228	512	120	125	130	140	150	665	
	Thu - Chi ngân sách:														
6	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.074	1.439	1.311	1.461	1.405	12%	1.610	1.724	2.013	2.241	2.513	Trên 12%	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	4.165	5.576	5.531	5.378	4.545	7,5%	4.614	5.696	6.256	6.966	7.757	11%	
7	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	6.619	8.004	9.240	10.086	10.510	44.459	12.000	13.310	14.641	16.105	17.715	73.771	
	Hạ tầng giao thông:														
8	- Tỷ lệ nhựa hóa đường toàn tỉnh	%	43	x	x	x	53	53%	57	58	61	63	64	64%	
	- Tỷ lệ nhựa hóa đường huyện	%	67	70	71	72	80	80%	84	88	92	96	100	100%	
	Hạ tầng cấp, thoát nước, đô thị:														
	Tỷ lệ đảm bảo nguồn nước cho diện tích cây trồng có nhu cầu tưới	%	44	50	64	65	68	68%	71	74	76	78	80	80%	
9	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	75	78	80	82	85	85%	86	87	88	89	90	90%	
	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	x	x	80	85	90	90%	92	94	96	98	100	100%	
	Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%	x	x	x	x	95	95%	98	100	100	100	100	100%	
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	x	x	x	x	16,3	16,3%	20	24	26	28	30	30%	
	Hạ tầng cấp điện:														
10	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	91,0	92,0	93,0	94,0	95,0	95%	96,0	97,0	98,0	98,5	99,0	99%	
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	99	99	99	99	99	99%	99	100	100	100	100	100%	
B	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG														
	Dân số:														
1	Dân số trung bình	Người	521.677	538.034	555.102	565.529	578.159	578.159	591.228	604.464	618.213	632.251	646.740	646.740	
	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,63	1,52	1,44	1,27	1,20	1,2%	1,10	1,10	1,10	1,10	1,00	1%	
	Mức giảm sinh	‰	1,00	1,00	1,00	0,90	0,80	0,8‰	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,8‰	
	Lao động và việc làm:														
2	Số lao động được tạo việc làm	Người	17.060	17.280	17.220	18.060	19.000	88.620	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	90.000	
	Đào tạo nghề	Người	3.490	4.030	5.800	5.000	5.700	24.020	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	19.000	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	29	32	32,50	33,0	35,00	35%	37,0	37,50	40,50	42,50	45,0	45%	
	Giảm nghèo:														
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	26,80	23,25	15,64	13,75	11,75	3,01%	Mỗi năm giảm 2% trở lên					2%/năm	
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	63,41	58,96	46,02	42,19	38,19	5,08%	Mỗi năm giảm 5% trở lên					5%/năm	
	Y tế:														
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	x	x	x	x	70,0	70%	73,3	76,8	79,5	80,6	82,1	Trên 82%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011 - 2015					Thực hiện 2011-2015	Kế hoạch 2016 - 2020					Mục tiêu 2016- 2020	GHI CHÚ
			TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	Ư. TH 2015		KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020		
4	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	15,5	15,4	16,1	15,0	17,0	17	17,7	17,8	18,2	18,5	18,8	18,8	
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	4,8	5,3	5,5	6,4	6,2	6,2	6,5	7,3	7,5	7,7	8	8	
	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	-	9,9	16,9	23,9	31,0	31%	35,0	38,0	47,9	59,2	71,8	71,8%	
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	25,5	24,8	23,6	22,1	21,0	21%	20,7	19,7	19,0	18,5	18,0	18%	
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	93,6	96,7	93,4	94,0	95,0	95%	>=90	>=90	>=90	>=90	>=90	90%	
5	Giáo dục:														
	Tỷ lệ dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học	%	x	x	x	x	65	65%	66	67	68	69	70	70%	
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	7	7	7	10	8	8	8	8	8	8	8	8,00	
6	Văn hóa:														
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	65	67	69	72	75	75%	76	77	78	79	80	80%	
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn văn hóa	%	7	7	11	12	14	14%	16	17	18	19	20	20%	
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	55	53	57	58	60	60%	61	62	63	64	65	65%	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	84	76	79	82	85	85%	86	87	88	89	90	90%	
7	Môi trường:														
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	x	x	x	x	39	39%	40	40,5	41	41,5	42	42%	
	Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	x	x	x	x	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000	
	Giảm số vụ và diện tích rừng bị phá	%	x	x	x	42	0		50	50	50	50	50		
8	Nông thôn mới:														
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	0	0	0	0	2	2	4	8	11	14	18	18	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	3,1	4,25	5,8	8,1	9,5	1,2 tiêu chí/năm	10,6	11,7	12,8	13,9	15	1,1 tiêu chí/năm	

